ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**35**	**318**	**222**		
16	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32031719	
17	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
18	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	25	5		
19	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	15	15		
20	32232185	Công nghệ và đời sống	3	22	23		
21	31231008	Mạng máy tính và internet	3	20	25		
22	31231069	Lập trình Python	3	25	20		
23	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15	31231069	
24	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15	32228009	
25	32224859	Môi trường và phát triển	2	24	6		
26	32238003	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	3	30	15		
27	32228009	Thống kê ứng dụng trong giáo dục tiểu học	2	15	15		
28	32228038	Toán rời rạc	2	20	10		
		Học phần tự chọn	**2**	**15**	**15**		
29	31221068	*Công nghệ phần mềm*	2	15	15		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**28**	**231**	**204**		
30	31231007	Lập trình Scratch	3	23	22		
31	32231039	Thiết kế công nghệ	3	15	30		
32	32238001	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giáo dục tiểu học	3	23	22		
33	32238004	Thiết bị điện và điện tử dân dụng	3	30	15	32232185	
34	32238005	Kĩ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	30	15	32224859	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
35	32238006	Lập trình game sáng tạo	3	25	20	31231007	
		Học phần tự chọn	**10**	**85**	**80**		
36	31231006	*Hệ quản trị cơ sở dữ liệu*	3	30	15	31231070	
37	32228002	*Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số*	2	15	15		
38	32238007	*Lập trình Robot trong giáo dục tiểu học*	3	25	20	31231069	
39	32228008	*Học máy*	2	15	15	31231070	
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**61**	**294**	**801**		
40	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
41	32238012	Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn học ở tiểu học	3	15	30		
42	32248011	Thiết kế bài giảng E-learning và hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến ở tiểu học	4	30	30	31231008	
43	32238010	Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3	20	25	32031255; 32238003	
44	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
45	32231042	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học 2	3	0	45	32231040; 32242190; 31242191	
46	32231040	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học 1	3	0	45		
47	32241047	Thực tập sư phạm	4	0	120	32221046*	
48	32221046	Kiến tập sư phạm	2	0	60	32242190*; 31242191*; 32238010*	
49	32221040	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	2	12	18		
50	32222195	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	15	15	32238010; 32242190**; 31242191**	
51	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	4	30	30		
52	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	4	30	30	32031255; 31242191**	
53	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	4	30	30	32031255	
		Học phần tự chọn	**18**	**69**	**291**		
54	32238015	*Giáo dục phát triển bền vững ở tiểu học*	3	15	30	32224859	
55	32228016	*Kỹ thuật dạy học tích cực ở tiểu học*	2	12	18		
56	32238014	*Dạy học khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh*	3	15	30	32238010	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
57	32228013	*Dạy học tích hợp tin học và công nghệ ở tiểu học*	2	12	18		
58	32261048	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180	32022212	
59	32221260	*Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học*	2	15	15		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**150**	**1147**	**1313**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**843**	**912**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH | **TRƯỞNG KHOA** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Vũ Đình Chính

Võ Thị Bay

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12 /2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31231007	Lập trình Scratch	3	23	22		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	25	5		
	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	15	15		
	32224859	Môi trường và phát triển	2	24	6		
	32232185	Công nghệ và đời sống	3	22	23		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**141**	**84**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31231069	Lập trình Python	3	25	20		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32031719	
	32228038	Toán rời rạc	2	20	10		
		Học phần tự chọn					
	32228002	*Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**150**	**90**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	31231006	*Hệ quản trị cơ sở dữ liệu*	3	30	15	31231070	
		Số tín chỉ trong kỳ	**8**	**82**	**98**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15	31231069	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	32228009	Thống kê ứng dụng trong giáo dục tiểu học	2	15	15		
	32238003	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31221068	*Công nghệ phần mềm*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**134**	**76**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31231008	Mạng máy tính và internet	3	20	25		
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15	32228009	
	32238004	Thiết bị điện và điện tử dân dụng	3	30	15	32232185	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	32238005	Kĩ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	30	15	32224859	
		Học phần tự chọn					
	32228008	*Học máy*	2	15	15	31231070	
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**176**	**94**		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
	32238001	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giáo dục tiểu học	3	23	22		
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**11**	**120**	**45**		
7	32231039	Thiết kế công nghệ	3	15	30		
	32238006	Lập trình game sáng tạo	3	25	20	31231007	
	32238010	Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3	20	25	32031255; 32238003	
	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	4	30	30	32031255	
		Học phần tự chọn					
	32238007	*Lập trình Robot trong giáo dục tiểu học*	3	25	20	31231069	
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**115**	**125**		
8	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	4	30	30		
	32222195	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	15	15	32238010; 32242190**; 31242191**	
	32231040	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học 1	3	0	45		
	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	4	30	30	32031255; 31242191**	
		Học phần tự chọn					
	32221260	*Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học*	2	15	15		
	32228016	*Kỹ thuật dạy học tích cực ở tiểu học*	2	12	18		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**102**	**153**		
9	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
	32221040	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	2	12	18		
	32238012	Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn học ở tiểu học	3	15	30		
		Học phần tự chọn					

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập	song hành	
	32228013	*Dạy học tích hợp tin học và công nghệ ở tiểu học*	2	12	18		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**64**	**86**		
10	32221046	Kiến tập sư phạm	2	0	60	32242190*; 31242191*; 32238010*	
	32231042	Rèn luyện kĩ năng sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học 2	3	0	45	32231040; 32242190; 31242191	
	32248011	Thiết kế bài giảng E-learning và hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến ở tiểu học	4	30	30	31231008	
		Học phần tự chọn					
	32238014	*Dạy học khoa học ở tiểu học bằng tiếng Anh*	3	15	30	32238010	
	32238015	*Giáo dục phát triển bền vững ở tiểu học*	3	15	30	32224859	
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**60**	**195**		
11	32241047	Thực tập sư phạm	4	0	120	32221046*	
		Học phần tự chọn					
	32261048	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180	32022212	
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**300**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH **TRƯỞNG KHOA** **HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Đức Tuấn